

TCVN yyyy-20:202x

(DỰ THẢO)

Xuất bản lần 1

**VIÊN XÂY - PHƯƠNG PHÁP THỬ -
PHẦN 20: XÁC ĐỊNH ĐỘ PHẪNG MẶT**

Masonry units - Test methods

Part 20: Determination of flatness of faces

HÀ NỘI – 202x

Mục lục

Trang

Lời nói đầu	4
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Tài liệu viện dẫn	5
3 Thiết bị, dụng cụ	5
3.1 Thước thẳng có chia vạch	5
3.2 Dụng cụ đo khe hở	5
4 Chuẩn bị mẫu thử	5
4.1 Lấy mẫu	5
4.2. Xử lý bề mặt.....	6
5 Cách tiến hành.....	6
5.1 Độ phẳng mặt viên xây	6
5.2 Đo chiều dài của các đường chéo	6
5.3. Đo sai lệch độ phẳng mặt	6
6 Tính toán và biểu thị kết quả.....	6
7 Báo cáo thử nghiệm.....	7

TCVN yyyy-21:202y

Lời nói đầu

TCVN yyyy-20:202x được xây dựng trên cơ sở tham khảo EN 772-20:2000 +A1:2005.

TCVN yyyy-20:202x do Viện Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ TCVN yyyy, Viên xây - Phương pháp thử gồm các phần sau:

- Phần 1: Xác định cường độ nén;
- Phần 2: Xác định tỷ lệ diện tích rỗng của viên xây bê tông cốt liệu bằng phương pháp vết in trên giấy;
- Phần 3: Xác định thể tích thực và độ rỗng của viên xây đất sét nung bằng phương pháp cân thủy tĩnh;
- Phần 4: Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng tổng, độ rỗng hở của viên xây đá tự nhiên;
- Phần 5: Xác định hàm lượng muối hoạt tính hòa tan của viên xây đất sét nung;
- Phần 6: Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của các viên xây bê tông cốt liệu;
- Phần 7: Xác định độ hút nước của viên xây đất sét nung cho hàng xây chống ẩm bằng phương pháp đun sôi trong nước;
- Phần 9: Xác định thể tích, độ rỗng và thể tích thực của viên xây đất sét nung và canxi silicat bằng phương pháp rót cát;
- Phần 10: Xác định độ ẩm của viên xây canxi silicat và bê tông khí chưng áp;
- Phần 11: Xác định độ hút nước viên xây bê tông cốt liệu, bê tông khí chưng áp, đá nhân tạo và đá tự nhiên do hoạt động mao dẫn và tốc độ hút nước ban đầu của viên xây đất sét nung;
- Phần 13: Xác định khối lượng thể tích khô thực và khối lượng thể tích khô tổng của viên xây (trừ viên xây đá tự nhiên);
- Phần 14: Xác định độ giãn nở ẩm của viên xây bê tông cốt liệu và đá nhân tạo;
- Phần 15: Xác định độ thấm hơi nước của viên xây bê tông khí chưng áp;
- Phần 16: Xác định kích thước;
- Phần 18: Xác định độ bền băng giá của viên xây canxi silicat;
- Phần 19: Xác định hệ số giãn nở ẩm của viên xây đất sét nung có lỗ thông ngang cỡ lớn;
- Phần 20: Xác định độ phẳng mặt;
- Phần 21: Xác định độ hút nước của viên xây đất sét nung và viên xây canxi silicat bằng phương pháp ngâm trong nước;
- Phần 22: Xác định độ bền băng giá của viên xây đất sét nung.

Viên xây - Phương pháp thử -

Phần 20: Xác định độ phẳng mặt

Masonry units - Test methods -

Part 20: Determination of flatness of faces

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định độ phẳng mặt của viên xây.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm các bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN xxxx-1 (EN 771-1), *Viên xây - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Viên xây đất sét nung*

TCVN xxxx-2 (EN 771-2), *Viên xây - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 2: Viên xây canxi silcat*

TCVN xxxx-3 (EN 771-3), *Viên xây - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 3: Viên xây bê tông cốt liệu (Cốt liệu nhẹ và nặng)*

TCVN xxxx-4 (EN 771-4), *Viên xây - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 4: Viên xây bê tông khí chưng áp*

TCVN xxxx-5 (EN 771-5), *Viên xây - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 5: Viên xây đá nhân tạo*

TCVN xxxx-6 (EN 771-6), *Viên xây - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 6: Viên xây đá tự nhiên*

3 Thiết bị, dụng cụ

3.1 Thước thẳng có chia vạch, có chiều dài lớn hơn chiều dài các đường chéo của các mặt dọc của mẫu thử, có độ chính xác đến $\pm 0,5$ mm.

3.2 Dụng cụ đo khe hở, có độ chính xác đến 0,05 mm.

4 Chuẩn bị mẫu thử

4.1 Lấy mẫu

Phương pháp lấy mẫu phải phù hợp với phần liên quan của TCVN xxxx (EN 771). Số lượng mẫu thử tối thiểu là sáu viên mẫu, trừ trường hợp phép xác định độ phẳng mặt của mặt xây, số lượng mẫu thử

là ba viên mẫu. Tuy nhiên, nếu yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm có quy định số lượng mẫu thử tối thiểu lớn hơn thì phải sử dụng số lượng mẫu thử lớn hơn đó.

4.2 Xử lý bề mặt

Trước khi đo, loại bỏ hết các vật liệu thừa, do quá trình sản xuất tạo ra, bám dính vào viên xây.

5 Cách tiến hành

5.1 Độ phẳng mặt viên xây

Trước khi đo, đặt viên xây ở vị trí ổn định.

Đối với bề mặt viên xây được quy định là mặt phẳng, tiến hành đo độ phẳng mặt theo 5.2 và 5.3.

Đối với các viên xây được quy định để xây với lớp vữa mỏng, tiến hành đo độ phẳng mặt theo 5.3 trên mỗi mặt xây.

5.2 Đo chiều dài của các đường chéo

Trường hợp bề mặt viên xây được quy định là mặt phẳng, đo chiều dài của hai đường chéo bằng thước thẳng có chia vạch (3.1), làm tròn đến 0,5 mm.

5.3 Đo sai lệch độ phẳng mặt

Đặt thước thẳng (3.1) lần lượt qua mỗi đường chéo và dùng dụng cụ đo khe hở (3.2) để đo khoảng cách từ bề mặt viên xây đến thước thẳng trên mỗi đường chéo.

Trường hợp bề mặt viên xây lõm xuống, đo khoảng cách lớn nhất từ bề mặt viên xây đến thước thẳng, làm tròn đến 0,05 mm.

Trường hợp bề mặt viên xây lồi lên, đặt thước thẳng sao cho khoảng cách lớn nhất từ bề mặt viên xây đến thước thẳng ở hai phía của điểm tiếp xúc xấp xỉ bằng nhau. Đo hai khoảng cách này, làm tròn đến 0,05 mm.

6 Tính toán và biểu thị kết quả

Đối với bề mặt viên xây được quy định là mặt phẳng, tính chiều dài trung bình của đường chéo, làm tròn đến 1 mm.

Trường hợp bề mặt viên xây lõm xuống, tính sai lệch độ phẳng mặt trung bình là trung bình của các khoảng cách tối đa từ bề mặt viên xây đến thước thẳng trên các đường chéo, làm tròn đến 0,1 mm.

Trường hợp bề mặt viên xây lồi lên, tính giá trị trung bình của các khoảng cách lớn nhất từ bề mặt viên xây đến thước thẳng trên các đường chéo. Sau đó, tính sai lệch độ phẳng mặt trung bình là trung bình của hai kết quả này, làm tròn đến 0,1 mm.

Trường hợp các viên xây được quy định để xây với lớp vữa mỏng, sai lệch độ phẳng mặt lớn nhất là giá trị lớn nhất của các giá trị khoảng cách lớn nhất từ bề mặt viên xây đến thước thẳng trên các đường chéo, làm tròn đến 0,1 mm.

7 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm bao gồm thông tin sau:

- a) Viện dẫn tiêu chuẩn này;
 - b) Mô tả các mẫu thử theo phần liên quan của TCVN yyyy (EN 771);
 - c) Phương pháp lấy mẫu và tổ chức lấy mẫu;
 - d) Ngày thử nghiệm;
 - e) Số lượng mẫu thử;
 - f) Chiều dài của các đường chéo riêng lẻ của mỗi mặt và chiều dài trung bình của các đường chéo đối với bề mặt được quy định là mặt phẳng, làm tròn đến 1 mm;
 - g) Khoảng cách lớn nhất từ bề mặt viên xây đến thước thẳng trên mỗi đường chéo đối với bề mặt được quy định là mặt phẳng, làm tròn đến 0,05 mm và sai lệch độ phẳng mặt trung bình của mẫu thử, làm tròn đến 0,1 mm;
 - h) Khoảng cách lớn nhất từ bề mặt viên xây đến thước thẳng trên mỗi đường chéo đối với các viên xây được quy định để xây với lớp vữa mỏng, làm tròn đến 0,05 mm và sai lệch độ phẳng mặt lớn nhất của mẫu thử, làm tròn đến 0,1 mm;
 - i) Bề mặt viên xây là lõm hoặc lồi hoặc hình dạng khác;
 - j) Nhận xét, nếu có.
-